

Số: 2045/2024/QĐST - HNGĐ

Tp. Thủ Đức, ngày 24 tháng 05 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1034/2024/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 05 năm 2024 giữa:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà D, đường Q, Tổ G, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Hà Văn H, sinh năm: 1982

Địa chỉ: Số nhà D, đường Q, Tổ G, Khu phố B, phường L, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 55, 57, 81, 83, 84 và Điều 85 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 05 năm 2024.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 16 tháng 05 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn, giữa: Bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn H.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim C và ông Đào Thanh T1 thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 165 do Ủy ban nhân dân xã T, huyện H, tỉnh Đồng Tháp cấp ngày 23/10/1918 cho bà Nguyễn Thị T và ông Hà Văn H không còn giá trị pháp lý.

Về con chung: Có 03 người con tên: Nguyễn Thị Thủy T2, sinh ngày 26/03/2005 (đã trưởng thành) không yêu cầu tòa án giải quyết; Nguyễn Hoàng N, sinh ngày 18/12/2008 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 23/04/2015. Giao cho bà Nguyễn Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Nguyễn Hoàng N và Nguyễn Gia B cho đến khi con chung lần lượt đủ 18 tuổi và ông Hà Văn H không cấp dưỡng. Do bà Nguyễn Thị T không yêu cầu

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Không có.

Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị T chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng, ông Hà Văn H chịu 75.000 (Bảy mươi lăm nghìn) đồng nhưng bà T tự nguyện chịu thay cho ông H và được trừ vào 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026612 ngày 02/05/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức. Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0026612 ngày 02/05/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Đức.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hạn thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức;
- Chi cục THADS thành phố Thủ Đức;
- UBND xã Thường Phước 1, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Dũng